TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2017.
"V/v Ly hôn và quyền nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Song.
2. Ông Dương Văn Đến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc: "Ly hôn và quyền nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2016 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: chị và anh P đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 2010. Trong quá trình chung sống có con chung tên Lê Vũ V, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2010. Do vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết: chị yêu cầu ly hôn với anh P; về con chung chị yêu cầu nuôi con Lê Vũ V và không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Lê Văn P vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị H khai xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung chị yêu cầu được quyền nuôi con và chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị không yêu cầu gì khác.

Đối với anh P được Tòa án triệu tập tham gia xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh P vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án này là: ly hôn, quyền nuôi con chung, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về hôn nhân: chị H và anh P kết hôn với nhau năm 2010, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số 128/2010 ngày 18 tháng 11 năm 2010 cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Nhưng đến năm 2012 thì hai người phát sinh mâu thuẫn do anh P không quan tâm, thăm nom, chăm sóc mẹ con chị H và con chung, cũng từ năm 2012 chị và anh P không còn sống chung với nhau. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P hợp lệ tham gia hòa giải, xét xử vào các ngày 01, 27 tháng 6 và ngày 14, 24 tháng 7 cùng năm 2017 mà anh P không đến Tòa án trình bày ý kiến mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ và không có văn bản trả lời phản bác các yêu cầu của chị H, coi như anh P từ bỏ quyền được yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích pháp của mình. Bên cạnh đó chị H đồng ý xét xử vắng mặt anh P. Căn cứ vào lời khai xác nhận của chị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như đã nêu phần trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa chị H với anh P là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh P.

[3] Về con chung: chị H xác nhận chị với anh P có một con chung tên Lê Vũ V, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2010 và do chị trực tiếp nuôi, nên chị yêu cầu được quyền nuôi sau khi chị với anh P ly hôn với nhau, anh P thì không phản đối, nên việc giao cháu Vinh cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, Toà án có giải thích cho chị H biết về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng chị H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H

cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị H khai xác định không có, anh P không có văn bản phản đối, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; 53; 54; 56, 57 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

1. Về hôn nH: Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Vũ V, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010104 ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị H không phải nộp tiếp. Anh Lê Văn P không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

Phạm Hoàng Nguyên